

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC
X
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **3184/2026/DS- ST**
Ngày: 16 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thu C
2. Bà Nguyễn Thị Thu T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trình Ngọc Phương M – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực X- Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực X - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2655/2026/TLST-DS ngày 28/4/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 793/2026/QĐXXST-DS ngày 02/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 538/2026/QĐST- DS ngày 25/6/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH M,

Địa chỉ trụ sở: 91 Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố H,

Người đại diện theo pháp luật: Ông L- Tổng Giám đốc,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm xxxx;

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà số xx T, phường T, Thành phố H,

(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm xxxx;

Căn cước công dân số 07919xxxx490 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: xxx Đường số xx, Khu phố x, phường Bình Hưng H, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH M do Bà Nguyễn Phước Quỳnh G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/6/2022, Công ty Tài chính TNHH M (gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị Ngọc H ký kết Hợp đồng tín dụng số 3301572 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H khoản vay 31.980.000 đồng (trong đó gồm: khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 1.980.000 đồng), lãi suất 44%/năm, bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/6/2025.

Sau khi nhận tiền vay, bà H thanh toán cho nguyên đơn số tiền 24.410.424 đồng, từ ngày 06/01/2024 ngưng thanh toán đến nay. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2026 là 63.876.935 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 23.469.632 đồng; lãi trong hạn: 10.771.750 đồng; lãi quá hạn: 27.346.257 đồng; lãi chậm trả: 2.289.296 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 17/7/2026, bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi bà H thanh toán xong khoản nợ gốc.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X – Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024- sửa đổi, bổ sung theo Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H thanh toán khoản tiền nợ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H hiện cư trú tại phường Bình Hưng H, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X - Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà H đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố.

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022, tính từ ngày vi phạm đến ngày 16/7/2026.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H không có văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để

xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, ngày 22/6/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc H và Công ty Tài chính TNHH M ký kết với nhau Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022, theo đó, Công ty đã đồng ý cấp tín dụng cho bà H số tiền vay 31.980.000 đồng, lãi suất cho vay là 44%/năm. Bà H có nghĩa vụ thanh toán theo phương thức trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/6/2025.

Xét, tại Phiếu báo nợ ngày giao dịch 22/6/2022 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, thể hiện nguyên đơn đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc H, số tài khoản 9484407 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, từ đó xác định bà H đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận tại Mục 3, Phần A của hợp đồng (vay mua hàng 30.000.000 đồng và mua bảo hiểm 1.980.000 đồng).

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ khi ký kết hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 24.410.424 đồng. Do bà Nguyễn Thị Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận tại Mục 8.3 của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022.

Xét thấy, việc bà H không thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2026 là 63.876.935 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 23.469.632 đồng; lãi trong hạn: 10.771.750 đồng; Lãi quá hạn: 27.346.257 đồng; tiền lãi của lãi chậm trả: 2.289.296 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024- được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025).

[2.2] Về yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022, tính kể từ ngày 17/7/2026 cho đến ngày bà Nguyễn Thị Ngọc H trả hết nợ gốc.

Xét tại các Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết có thỏa thuận mức lãi suất. Bà H chậm thực hiện nghĩa vụ nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến thi hành án xong, bà H còn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài

chính TNHH M được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024- được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025);
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH M.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán Công ty Tài chính TNHH M số tiền nợ theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022 tạm tính đến ngày 16/7/2026 là 63.876.935 (sáu mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 23.469.632 đồng; lãi trong hạn: 10.771.750 đồng; Lãi quá hạn: 27.346.257 đồng; tiền lãi của lãi chậm trả: 2.289.296 đồng.

Kể từ ngày 17/7/2026 cho đến thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH M khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3301572, ngày 22/6/2022.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền là 3.193.847 (ba triệu một trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH M số tiền tạm ứng án phí là 750.892 (bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046749 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

